



DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN

LIST OF ACCREDITED TESTS

(Kèm theo quyết định số/attachment with decision: /QĐ – VPCNCLQG
ngày tháng 08 năm 2026 của Giám đốc Văn phòng Công nhận
chất lượng quốc gia/of BoA Director)

Tên phòng thí nghiệm: **Trung tâm Kiểm định đạn dược T263**

Laboratory: **Expertise Center Ammunition T263**

Tổ chức/Cơ quan chủ quản: **Cục Quân khí – Tổng cục Hậu cần - Kỹ thuật**

Organization: **Department of Weapons and Arms – General Department Logistics - Engineering**

Số hiệu/ Code: **VILAS 680**

Chuẩn mực công nhận
Accreditation criteria **ISO/IEC 17025:2017**

Lĩnh vực: **Hóa**

Field: **Chemical**

Người quản lý: **Nguyễn Thanh Hải**

Laboratory manager: **Nguyen Thanh Hai**

Hiệu lực công nhận
Period of Validation: **Từ ngày / 08 / 2026 đến ngày / 08 / 2031**

Địa chỉ/Address: **Khu phố 3, phường Long Hưng, Thành phố Đồng Nai
Quarter 3, Long Hung Ward, Dong Nai City**

Địa điểm/Location: **Khu phố 3, phường Long Hưng, Thành phố Đồng Nai
Quarter 3, Long Hung Ward, Dong Nai City**

Điện thoại/ Tel: **096 685 227**

Email: **haifriendlyt263@gmail.com**

DANH MỤC PHÉP THỬ ĐƯỢC CÔNG NHẬN
LIST OF ACCREDITED TESTS
VILAS 680

Lĩnh vực thử nghiệm: Hóa

Field of testing: Chemical

TT	Tên sản phẩm, vật liệu được thử <i>Materials or product tested</i>	Tên phép thử cụ thể <i>The name of specific tests</i>	Giới hạn định lượng (nếu có)/ Phạm vi đo <i>Limit of quantify (if any)/range of measurement</i>	Phương pháp thử <i>Test method</i>
1.	Thuốc phóng keo <i>Propellant</i>	Xác định độ an định hóa học Phương pháp thử nghiệm Viây <i>Determination of chemical stability Vielle's method</i>		TQSA 418:2006
2.		Xác định độ an định hóa học Phương pháp thử nghiệm áp kế <i>Determination of Chemical stability Barometric method</i>		TCVN/QS 629: 2016
3.		Xác định hàm lượng Diphenylamine (DPA) <i>Determination of Diphenylamine content</i>	Đến/ To 1.5 %	TCVN/QS 419: 2019
4.		Xác định hàm lượng Centralite <i>Determination of Centralite content</i>	Đến/ To 3 %	TCVN/QS 420: 2019
5.	Thuốc phóng keo một gốc <i>Single-base propellant</i>	Xác định hàm lượng chất an định Phương pháp HPLC-DAD <i>Determination of stabilizer content HPLC-DAD method</i>	Đến/To 50 mg/mL	TCVN/QS 754: 2013
6.	Thuốc phóng keo hai gốc <i>Double-base propellant</i>			TCVN/QS 755: 2013
7.	Thuốc phóng keo một gốc <i>Propellant single base</i>	Xác định độ an định hóa học Phương pháp UV-Vis <i>Determination of Chemical stability UV-Vis method</i>		TCVN/QS 588: 2023

Chú thích /Note:

- TQSA: Tiêu chuẩn quân sự cấp A/ *Military Standard Level A*
- TCVN/QS: Tiêu chuẩn Việt Nam/Quân sự/ *Vietnamese National Standard /Military*

Trường hợp Trung tâm Kiểm định đạn dược T263 cung cấp dịch vụ thử nghiệm chất lượng sản phẩm, hàng hóa thì Trung tâm Kiểm định đạn dược T263 phải đăng ký hoạt động và được cấp giấy chứng nhận đăng ký hoạt động theo quy định của pháp luật trước khi cung cấp dịch vụ này/ *It is mandatory for the Expertise Center Ammunition T263 that provides product quality testing services must register their activities and be granted a certificate of registration according to the law before providing the service.*

